

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN 30/09/2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 -04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN	
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010.

Báo cáo tài chính Hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các Công ty con sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	100,00%
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang	64,88 %

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2010 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Văn Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Lê Vinh Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Thành viên
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hưởng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Huân	Phó Tổng Giám đốc

2. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2010 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 05 đến trang 28 (đính kèm).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần	267.820.502.780 VND
Lợi nhuận trước thuế theo sổ kế toán	32.945.376.457 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Công ty kiểm toán

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nam đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010 cho Công ty.

5. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

ĐOÀN THÀNH ĐẠT

Ngày 10 tháng 11 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/09/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 29/10/2010 từ trang 05 đến trang 28 đính kèm.

Như đã trình bày trong báo cáo của Hội đồng Quản trị tại trang 01 và 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của Chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

1. Như đã nêu tại mục **4.2** và **4.13** Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, còn một số khoản công nợ tồn đọng từ các năm trước, bao gồm:
 - Khoản phải thu Công ty TNHH Hoàng Hà là **1.013.786.788** đồng.
 - Khoản phải thu chi phí san nền Khu công nghiệp Mỹ Tho là **1.566.168.511** đồng.
 - Khoản tiền ứng trước của Ông See Chin Thye là **2.056.307.000** đồng.
 - Khoản tiền ứng trước của Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang là **4.869.420.853** đồng.

Công ty đang tiến hành xem xét lại toàn bộ hồ sơ liên quan để có biện pháp xử lý các khoản công nợ trên. Các khoản chênh lệch, nếu có, giữa số liệu sau khi xác định lại so với số liệu ghi nhận trên sổ sách kế toán sẽ làm ảnh hưởng tương ứng đến kết quả hoạt động của Công ty.

2. Như đã nêu tại mục 4.3 Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị quyền sử dụng 5.666,10 m² đất còn lại tại KDC Mỹ Thạnh Hưng theo sổ kế toán tại ngày 30/09/2010 là **179.919.325** đồng, tuy nhiên giá trị đầu tư thực tế là **4.635.553.460** đồng (818.121 đồng/m²). Sự khác biệt này là do phần lớn chi phí để có được quyền sử dụng đất đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm 2006.

Điều này dẫn đến việc ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất trên sổ sách chưa hợp lý và làm ảnh hưởng đến lợi nhuận lũy kế tại ngày 30/09/2010.

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 30/09/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

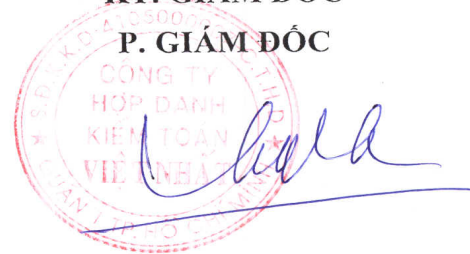


TRẦN THỊ THU HẰNG

Chứng chỉ KTV số: 0790/ KTV

KT. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ THỦY TIÊN

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010
 Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		263.972.726.605	236.841.674.424
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	58.048.174.546	53.438.288.657
1. Tiền	111		20.732.119.086	9.608.688.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.316.055.460	43.829.600.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	79.077.177.683	88.972.195.821
1. Phải thu khách hàng	131		70.910.262.379	73.069.940.363
2. Trả trước cho người bán	132		6.091.673.773	8.735.486.901
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	3.602.962.008
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	770.868.193
5. Các khoản phải thu khác	135		6.653.765.342	7.968.076.592
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.578.523.811)	(5.175.138.236)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	118.626.001.527	80.383.069.559
1. Hàng tồn kho	141		118.626.001.527	80.383.069.559
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	8.221.372.849	9.048.120.387
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		705.769.513	549.322.312
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.438.177.936	903.223.321
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		114.069.581	300.981.262
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.963.355.819	7.294.593.492

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		151.226.391.584	139.398.606.344
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		141.627.416.907	129.335.170.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221		118.929.842.204	106.663.369.255
- Nguyên giá	222	4.5	184.388.828.224	160.795.009.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.458.986.020)	(54.131.640.247)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		18.219.912.372	20.596.422.682
- Nguyên giá	225	4.6	28.518.123.713	28.518.123.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.298.211.341)	(7.921.701.031)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2.375.837.912	-
- Nguyên giá	228		2.399.422.172	93.523.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.584.260)	(93.523.963)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.8	2.101.824.419	2.075.378.416
III. Bất động sản đầu tư	240		802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241	4.9	802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		260.000.000	553.440.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.10	260.000.000	553.440.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.11	8.536.866.677	8.707.887.991
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.620.147.893	2.064.816.783
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.916.718.784	6.643.071.208
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		415.199.118.189	376.240.280.768

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		268.180.682.287	272.853.880.137
I.	Nợ ngắn hạn	310		178.863.189.049	189.805.182.628
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	42.992.654.440	45.883.788.893
2.	Phải trả người bán	312	4.13	13.359.746.393	30.688.970.144
3.	Người mua trả tiền trước	313	4.13	37.149.109.066	44.586.514.701
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	13.165.300.029	11.584.444.347
5.	Phải trả người lao động	315	4.13	2.913.319.270	6.082.342.781
6.	Chi phí phải trả	316	4.13	25.847.889.275	17.121.756.863
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.13	35.644.311.185	25.677.573.003
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.13	2.526.016.608	1.850.584.353
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.264.842.783	6.329.207.543
II.	Nợ dài hạn	330		89.317.493.238	83.048.697.509
4.	Vay và nợ dài hạn	334	4.12	88.898.208.128	82.587.235.990
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		419.285.110	461.461.519
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.363.731.353	95.384.180.845
I.	Vốn chủ sở hữu	410		140.363.731.353	95.384.180.845
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.15	80.000.000.000	70.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	4.15	10.700.000.000	300.000.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(111.493.060)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	4.15	16.301.527.000	16.291.222.713
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	4.15	3.426.881.785	3.440.479.448
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.15	29.935.322.568	5.463.971.744
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	4.16	6.654.704.549	8.002.219.786
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		415.199.118.189	376.240.280.768

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU	<i>Thuyết minh</i>	30/09/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- EUR		-	91.515,23
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

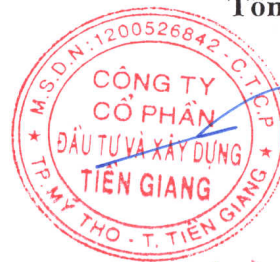
Ngày 29 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng



Đào Thị Kiều Trinh

Tổng Giám đốc



Đoàn Khắc Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	106.682.264.490	267.929.947.655	284.277.241.599
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	-	109.444.875	1.260.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	106.682.264.490	267.820.502.780	284.275.981.599
4.	Giá vốn hàng bán	11		84.021.688.157	204.221.155.756	216.189.781.886
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.660.576.333	63.599.347.024	68.086.199.713
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	1.407.293.777	4.818.096.324	955.846.009
7.	Chi phí tài chính	22	5.3	3.588.129.726	9.125.425.649	5.819.057.434
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.587.973.787	9.125.127.672	5.330.951.434
8.	Chi phí bán hàng	24	5.4	3.957.063.295	9.621.585.245	5.274.375.445
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	5.770.824.215	16.192.390.775	15.147.618.867
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.751.852.874	33.478.041.679	42.800.993.976
11.	Thu nhập khác	31	5.6	3.290.875	1.008.955.398	92.538.120
12.	Chi phí khác	32	5.7	537.003.408	1.541.620.620	439.538.275
13.	Lợi nhuận khác	40		(533.712.533)	(532.665.222)	(347.000.155)
14.	Lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.218.140.341	32.945.376.457	42.453.993.821
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.038.402.825	8.675.837.494	5.361.160.617
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		403.482.462	(276.211.908)	2.647.996.942
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.776.255.054	24.545.750.871	34.444.836.262

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		264.061.028	589.680.482	48.895.246
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7.512.194.026	23.956.070.389	34.395.941.016
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60	4.17	972	3.068	4.921

Kế toán trưởng

Đào Thị Kiều Trinh

Ngày 29 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc



Đoàn Thành Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	32.945.376.457	42.453.993.821
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	14.279.853.562	10.309.750.759
-	Các khoản dự phòng	03	36.641.421	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.361.035.127)	(946.720.009)
-	Chi phí lãi vay	06	9.125.127.672	5.330.951.434
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	51.025.963.985	57.147.976.005
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.143.589.629	(17.142.458.590)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(38.242.931.968)	(11.191.033.836)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(10.913.037.216)	17.774.694.983
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	288.221.689	2.702.758.900
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(8.733.794.687)	(9.030.703.882)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.813.495.552)	(1.578.391.244)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.175.467.410	70.000.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.338.523.898)	(842.802.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.408.540.608)	37.910.040.336
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.575.428.689)	(10.325.850.290)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.228.945.500)	(45.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.522.385.500	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.364.363.700	1.235.107.042
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.917.624.989)	(54.090.743.248)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.400.000.000	250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

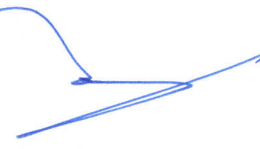
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.657.702.593	96.802.838.559
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.409.604.908)	(82.030.063.789)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3.828.260.000)	(3.828.260.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.752.751.320)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	23.819.837.685	5.441.763.450
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.493.672.088	(10.738.939.462)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	53.438.288.657	25.903.186.411
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	116.213.801	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	58.048.174.546	15.164.246.949

Ngày 29 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng


 Đào Thị Kiều Trinh

Tổng Giám đốc



 Đoàn Thành Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 28/09/2010.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Ngành nghề hoạt động

Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; Thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới xà lan; Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh cát san lấp; Khai thác vận tải; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đầu thầu, giám sát; Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản; Quản lý bất động sản; Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite; Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; Thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày tháng 09 năm 2010.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Những thay đổi so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009:

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 80/NQ ngày 28/12/2009 từ ngày 01/01/2010 Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Giao thông Ticco sẽ sáp nhập vào Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco;
- Giảm tỷ lệ sở hữu Công ty Testco từ 80,77% xuống còn 20% trong năm 2010 do đó Công ty Testco là Công ty con trong năm 2009 chuyển thành Công ty liên kết.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm:

Tên công ty	Vốn thực góp		Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)
	Số tiền	%		
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	38.000.000.000	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	10.000.000.000	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	12.975.000.000	64,88%	64,88%	64,88%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Thời gian khấu hao ước tính như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 12
Thiết bị và dụng cụ quản lý	04 – 06

3.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

3.7 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Quyền sử dụng (QSD) đất</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
QSD 600 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Không khấu hao (QSD đất lâu dài)
QSD 1.429,90 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	440 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 3 năm 2047)
QSD 8.436,20 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	39 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 10 năm 2013)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và bất lợi thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Bất lợi thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày mua theo Quyết định chấp thuận của Hội đồng Quản trị Công ty. Và được kết chuyển một lần vào kết quả hoạt động trong năm phát sinh.

3.10 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

Phân loại các khoản đầu tư

Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;

Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

3.11 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp như sau:

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

3.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và được khách hàng xác nhận cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.13 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 30/09/2010 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/09/2010 là 75.843.142.891 đồng và chi phí ước tính là 31.910.956.023 đồng;

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;

$$\text{Giá vốn 1 m}^2 \text{ đất chuyển nhượng} = \frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/m}^2$$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong 9 tháng đầu năm 2010 là 29.811,12 m².

3.14 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Ngoài ra Công ty được hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% trong những năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ hai Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

phải nộp trong 07 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn. Năm 2010 là năm thứ ba Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm. Tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tiền	20.732.119.086	9.608.688.657
+ Tiền mặt	4.145.332.090	187.010.334
+ Tiền gửi ngân hàng	16.586.786.996	9.421.678.323
Các khoản tương đương tiền	37.316.055.460 (*)	43.829.600.000
Cộng	<u>58.048.174.546</u>	<u>53.438.288.657</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang	10.611.266.157
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	5.000.000.000
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long	21.704.789.303

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/09/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	70.910.262.379	73.069.940.363
Trả trước cho người bán	6.091.673.773	8.735.486.901
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	3.602.962.008
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	770.868.193
Các khoản phải thu khác	6.653.765.342	7.968.076.592
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(4.578.523.811) (*)	(5.175.138.236)
Cộng	79.077.177.683	88.972.195.821

(*) Bao gồm dự phòng các khoản nợ khó đòi sau:

Công ty CP XD Thủy lợi 42	325.835.800
DNTN Đăng Tài	140.239.999
Công ty CP ĐT & XD 40	368.611.375
Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang	925.883.360
Công ty TNHH Khánh Giang	2.810.073.954
Ban QL các dự án ĐT & XD Công trình Giao thông Tiền Giang	7.879.323

4.3 Hàng tồn kho

	30/09/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	9.465.696.201	9.018.821.799
Công cụ, dụng cụ	4.598.936.146	4.621.868.278
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	96.619.704.499 (*)	58.746.120.424
Thành phẩm	7.617.240.200	7.672.350.289
Hàng hóa	324.424.481	323.908.769
Cộng	118.626.001.527	80.383.069.559

(*) Bao gồm giá trị của các công trình xây dựng dở dang, chủ yếu:

Công trình KDC Long Thạnh Hưng	28.293.632.301
Công trình KDC đường Trương Định nối dài	16.053.349.084
Công trình Khu nhà vườn Huyện Tân Phước	2.515.153.000
Kênh Phước Xuyên Hai Tám	2.693.073.702
Quyền sử dụng đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	179.919.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/09/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	705.769.513	549.322.312
Thuế GTGT được khấu trừ	1.438.177.936	903.223.321
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	114.069.581 (*)	300.981.262
Tài sản ngắn hạn khác	5.963.355.819	7.294.593.492
<i>Tạm ứng</i>	<i>4.810.365.205</i>	<i>5.924.045.735</i>
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>1.152.990.614</i>	<i>1.370.547.757</i>
Cộng	8.221.372.849	9.048.120.387

(*) Chủ yếu tạm nộp thuế GTGT đầu ra đối với các công trình đang thi công tại các địa phương khác.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, VKT	MMTB	PTVT	TBQL	Tổng cộng
Nguyên giá					
SDDK	24.800.578.067	106.801.639.025	28.468.004.054	724.788.356	160.795.009.502
Tăng trong kỳ	3.393.486.953	11.967.919.030	11.241.289.565	131.426.582	26.734.122.130
Giảm trong kỳ	2.252.752.650	315.468.440	448.307.861	123.774.457	3.140.303.408
SDCK	25.941.312.370	118.454.089.615	39.260.985.758	732.440.481	184.388.828.224
Hao mòn lũy kế					
SDDK	2.461.487.539	34.510.295.384	16.674.851.009	485.006.315	54.131.640.247
Tăng trong kỳ	925.158.157	15.965.172.147	2.092.159.169	51.830.327	19.034.319.800
Giảm trong kỳ	224.493.323	2.666.245.527	4.738.585.965	77.649.212	7.706.974.027
SDCK	3.162.152.373	47.809.222.004	14.028.424.213	459.187.430	65.458.986.020
Giá trị còn lại					
SDDK	22.339.090.528	72.291.343.641	11.793.153.045	239.782.041	106.663.369.255
SDCK	22.779.159.997	70.644.867.610	25.232.561.545	273.253.051	118.929.842.204

4.6 Tài sản cố định thuê tài chính (Máy móc thiết bị - dây chuyền sản xuất ống cống)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	28.518.123.713	-	-	28.518.123.713
Hao mòn lũy kế	7.921.701.031	2.376.510.310	-	10.298.211.341
Giá trị còn lại	20.596.422.682			18.219.912.372

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.7 Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	93.523.963	2.399.422.172	93.523.963	2.399.422.172
Hao mòn lũy kế	93.523.963	23.584.260	93.523.963	23.584.260
Giá trị còn lại	-		-	2.375.837.912

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mua sắm TSCĐ) 2.101.824.419

4.9 Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Hao mòn lũy kế (*)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện trích khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

4.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>30/09/2010</u>		<u>01/01/2010</u>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.000.000 (b)		553.440.000 (a)
Cộng	260.000.000		553.440.000

(a) Vốn đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Giao thông Tiền Giang đã được thu hồi trong 6 tháng đầu năm 2010.

(b) Vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco, giảm tỷ lệ sở hữu từ 80,77% xuống còn 20%, do đó Công ty Testco là Công ty con trong năm 2009 chuyển thành Công ty liên kết.

4.11 Tài sản dài hạn khác

	<u>30/09/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Chi phí trả trước dài hạn	1.620.147.893	2.064.816.783
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	6.916.718.784	6.643.071.208
Cộng	8.536.866.677	8.707.887.991

4.12 Nợ vay

	<u>30/09/2010</u>		<u>01/01/2010</u>
Vay và nợ ngắn hạn	42.992.654.440 (a)		45.883.788.893
Vay dài hạn	78.390.489.628 (b)		68.251.257.490
Nợ dài hạn	10.507.718.500 (c)		14.335.978.500
Cộng	131.890.862.568		128.471.024.883

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Vay ngắn hạn, bao gồm:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang	19.743.171.031
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh An Giang	1.750.545.293
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	21.498.938.116

(b) Vay dài hạn, bao gồm:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang	11.274.842.090
Ngân hàng Phát triển Nhà ĐBSCL	13.200.000.000
CN Ngân hàng Phát triển Tiền Giang	7.749.350.000
Quỹ ĐT & PT Tiền Giang	15.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tiền Giang	31.166.297.538

(c) Đây là khoản nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/PI-HĐCTTC ngày 27/07/2008. Tài sản cố định thuê tài chính của khoản thuê này đã bàn giao cho Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco sử dụng.

4.13 Nợ ngắn hạn

	30/09/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	13.359.746.393	30.688.970.144
Người mua trả tiền trước	37.149.109.066	44.586.514.701
Phải trả người lao động	2.913.319.270	6.082.342.781
Chi phí phải trả	25.847.889.275 (a)	17.121.756.863
Phải trả, phải nộp khác	35.644.311.185	25.677.573.003
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.526.016.608 (b)	1.850.584.353
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.264.842.783	6.329.207.543
Cộng	122.705.234.580	132.336.949.388

(a) Chủ yếu trích trước chi phí Công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng 24.549.128.060.

(b) Dự phòng bảo hành công trình.

4.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2010	01/01/2010
Thuế GTGT phải nộp	1.217.046.441	2.740.027.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.186.768.251	8.464.310.491

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập cá nhân	637.912.714	53.390.823
Thuế tài nguyên	12.800.000	30.664.184
Thuế, phí khác	110.772.623	296.051.676
Cộng	13.165.300.029	11.584.444.347

4.15 Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	300.000.000	415.335.669	1.408.420.914	12.071.411.382
- Tăng trong năm trước	-	-	15.875.887.044	2.032.058.534	39.825.525.881
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	46.432.965.519
Số dư cuối năm trước	70.000.000.000	300.000.000	16.291.222.713	3.440.479.448	5.463.971.744
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	300.000.000	16.291.222.713	3.440.479.448	5.463.971.744
- Tăng trong năm nay	10.000.000.000	10.400.000.000	10.304.287	-	24.545.750.871
- Giảm trong năm nay	-	-	-	13.597.663	74.400.047
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	16.301.527.000	3.426.881.785	29.935.322.568

Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000)

	30/09/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	7.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	7.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	7.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.16 Lợi ích của các Cổ đông thiểu số

	Công ty CP ĐTXD Ticco An Giang
Vốn điều lệ đã góp	7.025.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	144.774.824
Quỹ dự phòng tài chính	35.794.414
Lợi nhuận chưa phân phối	(550.864.689)
Cộng	6.654.704.549

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<i>Ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.545.750.871
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	24.545.750.871
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.068

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009</i>
Tổng doanh thu	106.682.264.490	267.929.947.655	284.277.241.599
Giảm giá hàng bán		109.444.875	1.260.000
Doanh thu thuần	106.682.264.490	267.820.502.780	284.275.981.599

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.334.230.058	4.479.488.751	946.720.009
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	9.126.000
Lãi nhượng bán cổ phần	-	178.945.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lãi cho vay	48.063.719	80.520.088	-
Cổ tức	25.000.000	51.808.985	-
Doanh thu khác	-	27.333.000	-
Cộng	1.407.293.777	4.818.096.324	955.846.009
5.3 Chi phí tài chính			
	<i>Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009</i>
Chi phí lãi vay	3.587.973.787	9.125.127.672	5.330.951.434
Khác	155.939	297.977	488.106.000
Cộng	3.588.129.726	9.125.425.649	5.819.057.434
5.4 Chi phí bán hàng			
	<i>Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009</i>
Chi phí nhân viên bán hàng	952.200.142	2.215.639.693	1.133.072.500
Chi phí dụng cụ bán hàng	44.337.783	85.650.249	37.684.716
Chi phí khấu hao	35.355.245	106.065.737	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.074.288.306	3.410.010.184	1.717.959.044
Chi phí bằng tiền khác	850.881.819	3.804.219.382	2.385.659.185
Cộng	3.957.063.295	9.621.585.245	5.274.375.445
5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp			
	<i>Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009</i>
Chi phí lương nhân viên	2.918.359.971	7.931.165.031	5.564.686.670
Chi phí vật liệu quản lý	282.318.043	917.943.247	994.647.355
Chi phí đồ dùng văn phòng	192.852.633	529.837.980	258.732.657
Chi phí khấu hao	143.080.296	424.904.518	725.834.258
Thuế, phí và lệ phí	364.426.780	1.254.626.895	511.453.000
Chi phí dự phòng	-	(596.614.425)	7.867.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.735.793	689.781.471	771.428.342
Chi phí bằng tiền khác	1.652.050.699	5.040.746.058	6.312.968.805
Cộng	5.770.824.215	16.192.390.775	15.147.618.867
5.6 Thu nhập khác			
	<i>Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009</i>
Nhượng bán CCDC	-	37.190.455	-
Thu bồi thường	-	958.487.763	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/09/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	-	27.597.550
Thu nhập khác	3.290.875	13.277.180	64.940.620
Cộng	3.290.875	1.008.955.398	92.538.120

5.7 Chi phí khác

	<i>Từ 01/07/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</i>	<i>Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009</i>
Phạt vi phạm	395.899.373	395.899.373	12.004.753
GTCL thanh lý TSCĐ	-	3.328.573	7.131.250
Khấu hao và phân bổ TS không hoạt động	23.708.467	67.977.186	-
Chi phí bồi thường Kè Hiệp Thành	-	953.197.063	-
Chi phí bảo hành công trình	-	-	214.124.356
Hoàn trả tiền thi công CT	-	-	150.720.792
Xử lý công nợ	-	-	27.039.001
Chi phí khác	117.395.569	121.218.425	28.518.123
Cộng	537.003.408	1.541.620.620	439.538.275

6. Thông tin khác

6.1 Thông tin về các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Testco – Công ty liên kết với 20% vốn góp chủ sở hữu.

Trụ sở chính đặt tại số Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5303000080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 30/11/2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 26/05/2008.

Đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này, khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc theo báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Testco.

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh cho giai đoạn từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 trên Báo cáo tài chính theo số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần và Đầu tư Xây dựng Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Đào Chi Hiền Trinh

Tổng Giám đốc



Đoàn Thành Đạt